

Số: 1234/2023/QĐST-HNGĐ

TP TP, ngày 26 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 504/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông LVV – Sinh năm: 1982 – Số CCCD: 040082037857

Thường trú: Xóm HT, xã TL, huyện TK, tỉnh NA

Địa chỉ liên hệ: DMM/BC đường QD, tổ BB, ấp B, xã VL A, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà DTHL – Sinh năm: 1989 - Số CCCD: 040189015752

Trú tại: Số CBC/HC đường KVC, khu phố M, phường LT, TP TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/4/2023, ông LVV và bà DTHL đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/4/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông LVV và bà DTHL thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông LVV và bà DTHL cùng tự khai có 01 con chung tên LDPT (giới tính nữ, sinh ngày 06/4/2021). Ông LVV và bà DTHL thỏa thuận giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), bắt đầu từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 01 dương lịch hằng tháng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Ông LVV và bà DTHL cùng trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông LVV và bà DTHL cùng trình bày không có.

Ngoài ra, ông LVV và bà DTHL không còn bất kỳ yêu cầu nào khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông LVV và bà DTHL tự nguyện chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông V và bà L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2022/0008456 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP TPĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông LVV và bà DTHL đã nộp đủ tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2021 do Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TK, tỉnh NA cấp ngày 02/4/2021 không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- UBND X.TL, H.TK, NA;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lưu Hải Quỳnh Anh